

PHỤ LỤC II-1.

HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG DỰ TRỮ XĂNG DẦU, KHÍ ĐỐT

1.1. Danh mục hạ tầng dự trữ xăng dầu hiện có theo vùng cung ứng

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m ³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m ²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
I- KHU VỰC BẮC BỘ ĐẾN THANH HÓA				1.993.649	256.950	4.018.170	-	-	-
Tỉnh Lao Cai				4.000	0	35.708	-	-	-
1	1	Kho xăng dầu Lào Cai	KCN Đông phố Mới, phường Lào Cai, Lào Cai	4.000	-	35.708	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2009
Tỉnh Thái Nguyên				7.000	500	17.068	-	-	-
2	1	Kho xăng dầu Đa Phúc	Phường Trung Thành, tỉnh Thái Nguyên	3.000	500	17.068	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2014
3	2	Gang thép Thái Nguyên	Phường Gia Sàng, tỉnh Thái Nguyên	4.000	-	-	Kho nhà máy	Hoạt động lâu dài	-
Tỉnh Phú Thọ				30.750	2.700	121.218	-	-	-
4	1	Kho xăng dầu Phủ Đức, Việt Trì	Phường Nông Trang, tỉnh Phú Thọ	6.800	-	45.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1988
5	2	Kho xăng dầu Bến Gót, Việt Trì	P. Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ	8.000	800	15.068	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	cải tạo 2003
6	3	Kho xăng dầu Hải Linh, Việt Trì	Khu 6, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ	14.000	900	50.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2007
7	4	Kho Xăng dầu Phú Thọ, Việt Trì	phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ	1.950	1.000	11.150	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2015
Tỉnh Bắc Ninh				34.400	3.750	93.452	-	-	-
8	1	Kho xăng dầu Bắc Giang	Phường Mỹ Độ, tỉnh Bắc Ninh	4.400	1.000	18.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1957

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
9	2	Kho xăng dầu Bắc Giang - Pvoil	X. Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh	2.300	750	14.491	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2018
10	3	Kho xăng dầu của Công ty CP Đại Đồng Xuân	X. Lục Nam, tỉnh Bắc Ninh	2.000	-	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
11	4	Kho Dầu khí Hải Linh Bắc Ninh	Tri Hồ , X. Tân Chi, tỉnh Bắc Ninh	24.000	2.000	60.961	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
12	5	Kho NM Kính nổi Đáp Cầu	Phường Vũ Ninh, tỉnh Bắc Ninh	1.700	-	-	Kho nhà máy	Hoạt động lâu dài	
TP Quảng Ninh				306.050	105.000	650.584	-	-	-
13	1	Kho cảng dầu mới Bãi Cháy + K130	Phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh	252.000	40.000	416.210	Kho đầu mới	Hoạt động lâu dài	1975
-	1.1	Kho cảng Bãi Cháy	Khu 1,P. Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh	90.000	40.000	80.024	-	-	1975
-	1.2	Kho K130	Phường Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh	162.000	-	336.186	-	-	1975
14	2	Kho xăng dầu Cái Lân	Cụm CN tàu thủy Cái Lân, P. Việt Hưng, tỉnh Quảng Ninh	20.000	5.000	54.360	Kho đầu mới	Hoạt động lâu dài	2012
15	3	Tổng kho xăng dầu Mông Dương	P. Mông Dương, tỉnh Quảng Ninh	30.000	20.000	168.276	Kho đầu mới	Hoạt động lâu dài	2017
16	4	Kho xăng dầu Cẩm Đông	P. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	350	-	-	Kho tuyến sau	Giải tỏa để làm dự án đường bao biên	-

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
17	5	Kho xăng dầu Ninh Dương	Phường Móng Cái 2, TP Móng Cái, tỉnh, Quảng Ninh	700	-	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
18	6	Kho xăng dầu hàng không sân bay Vân Đồn	CHKQT Vân Đồn, đặc khu Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	3.000	-	11.738	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	2018
TP Hải Phòng				500.590	54.300	792.524	-	-	-
19	1	Kho xăng dầu Petec An Hải	P. Đông Hải, TP Hải Phòng	41.000	8.000	73.904	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1997
20	2	Tổng kho xăng dầu Đình Vũ	KCN Đình Vũ, P. Đông Hải, TP. Hải Phòng	75.500	10.000	54.000	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2009
21	3	Kho xăng dầu Nam Vinh (19-9)	KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng	55.000	7.000	44.000	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2005
22	4	Kho Dầu khí Hải Linh Hải Phòng	Đầm Mắm, khu Hạ Đoạn 2, P. Đông Hải, TP Hải Phòng	81.500	8.000	55.337	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2012
23	5	Kho xăng dầu K99	Phường Đông Hải, TP Hải Phòng	39.000	12.000	40.911	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2001
24	6	Kho K131	Xã Ninh Sơn, TP Hải Phòng	52.000	-	100.097	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2000
25	7	Tổng kho xăng dầu Thượng Lý (H-102)	P. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	53.200	3.000	365.130	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1955
26	8	Kho xăng dầu Mipec 1 - HP	Hùng Vương, phường Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	16.850	3.000	22.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2008

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
27	9	Kho xăng dầu Hoàng Huy	Khu CN Nam Cầu Kiền, phường Thủy Nguyên 2, TP Hải Phòng	45.000	3.000	31.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2014
28	10	Kho XD Cảng cá Hạ Long	Hải phường Hải An, TP Hải Phòng	1.000	300	-	Kho nhà máy	Hoạt động lâu dài	-
29	11	Kho sân bay Cát Bi	Sân bay Cát Bi, phường Hải An, TP Hải Phòng	150		4.000	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	-
30	12	Kho Jet A-1 Sân bay Cát Bi	Sân bay Cát Bi, phường Hải An, TP Hải Phòng	350	-	2.145	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	2016
31	13	Kho xăng dầu Đức Chính (Kho Hải Dương)	Xã Tuệ Tĩnh, TP Hải Phòng	40000	-	105000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2013
32	14	Kho NM Xi măng Hoàng Thạch	TP Hải Phòng	40	-	-	Kho nhà máy	Hoạt động lâu dài	-
Tỉnh Hưng Yên				87.000	21.000	144.504	-	-	-
33	1	Tổng kho xăng dầu VinaPetro Hưng Yên	X. Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	4.000		10.911	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2017
34	2	Kho xăng dầu Hải Hà	Xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	76.300	20.000	66.664	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2013& 2017
35	3	Kho Trung chuyển dầu khí Thái Bình	Phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên	6.700	1.000	66.929	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2008
TP Hà Nội				127.895	1.000	178.676	-	-	-
36	1	Tổng kho xăng dầu Đức Giang (Kho H101)	Số 51 Đức Giang, phường Việt Hưng, TP Hà Nội	82.395	1.000	87.157	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1956

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
37	2	Kho xăng dầu Đỗ Xá	X. Phú Xuyên, TP Hà Nội	10.800	-	24.195	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1999
38	3	Kho xăng dầu Nam Phong (K133)	X. Phú Xuyên, TP Hà Nội	3.200	-	22.500	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1975
39	4	Kho sân bay Nội Bài (Kho N2)	Sân bay Nội Bài, xã Nội Bài, TP Hà Nội	13.400	-	-	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	-
40	5	Kho Jet A-1 Sân bay Nội Bài	Sân bay Nội Bài, xã Nội Bài, TP Hà Nội	2.100	-	9.824	Kho sân bay	Di dời/ giải tỏa	2013
41	6	Kho JetA1 Nội Bài-NAFC	Sân bay Nội Bài, xã Nội Bài, TP Hà Nội	16.000	-	35.000	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	2014
Tỉnh Ninh Bình				132.804	5.700	562.733	-	-	-
42	1	Kho Hang hàm	Phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình	50.000	-	251.091	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1978
43	2	Bến xuất K135	P. Châu Sơn, TP. Phủ Lý, tỉnh Ninh Bình	1.600	-	13.494	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1978
44	3	Kho XD Hà Nam	P. Châu Sơn, tỉnh Ninh Bình	20.000	-	42.970	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2008
45	4	Kho dầu khí Hải Linh Hà Nam	Phường Lý Thường Kiệt, tỉnh Ninh Bình	24.000	900	80.073	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2017
46	5	Kho trung chuyển dầu khí Nam Định	Phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình	6.000	300	28.433	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2001
47	6	Kho XD Nam Định	P. Nam Định, tỉnh Ninh Bình	5.250	500	22.119	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1958
48	7	Kho Xăng dầu Phúc Lộc	KCN Khánh Phú, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	9.500	3.000	4.854	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2014

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
49	8	Kho xăng dầu Ninh Phúc	KCN Ninh Phúc, phường Đông Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	3.500	1.000	12.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2004
50	9	Kho xăng dầu Phương Nam	Phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	3.354	-	11.241	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2017
51	10	Kho xăng dầu Ninh Bình	X. Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	4.800	-	52.078	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2017
52	11	Kho xăng dầu Hà Anh	X. Khánh Thiện, tỉnh Ninh Bình	4.800	-	44.380	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2017
Tỉnh Thanh Hoá				763.160	63.000	1.421.703	-	-	-
53	1	Kho chứa nhà máy Lọc hóa dầu Nghị Sơn	Khu KT Nghi Sơn, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	570.000	40.000	1.004.000	Kho nhà máy lọc dầu	Hoạt động lâu dài	2015
55	2	Kho XD PVOIL- Nghị Sơn	Khu KT Nghi Sơn, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	12.150	-	33.520	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2017 (GD1)
56	3	Kho sân bay Thọ Xuân	Sân bay Thọ Xuân Xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa	210	-	1.540	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	-
57	4	Kho xăng dầu Cảng Lệ Môn	P. Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa	4.400	1.000	5.589	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2003
58	5	Kho xăng dầu Lễ Môn	P. Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa	3.900	1.000	2.605	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2006
59	6	Kho xăng dầu Quảng Hưng	Cảng Lễ Môn P. Quảng Phú, tỉnh Thanh Hóa	3.900	1.000	9.180	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2009
60	7	Kho sân bay Thọ Xuân	Xã Sao Vàng, tỉnh Thanh Hóa	2.400	-	-	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	-

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
61	8	Tổng kho XD Anh Phát	Khu KT Nghi Sơn, phường Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	103.000	20.000	292.725	Kho ngoại quan	Hoạt động lâu dài	2.018
				63.200			Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2.018
II- KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ (TRỪ THANH HÓA)				340.820	114.100	662.869	-	-	-
Tỉnh Nghệ An				175.220	68.200	374.591	-	-	-
62	1	Kho sân bay Vinh	Sân bay Vinh, phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An	1.150	-	10.000	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	-
63	2	Trạm ứng phó sự cố tràn dầu	Phường Vinh Lộc, TP Vinh, tỉnh Nghệ An	2.000	-	1.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
64	3	Kho Tân Xuân	phường Cửa Lò, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	4.000	-	1.860	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2005
65	4	Tổng kho xăng dầu DKC và các sản phẩm sau dầu mỏ	Xã Hải Lộc, tỉnh Nghệ An	47.470	49.000	118.855	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2018
				63.600			Kho Ngoại Quan	Hoạt động lâu dài	2018
66	5	Kho XD Nghi Hương	phường Cửa Lò, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	38.000	18.000	22.875	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1990
67	6	Kho XD Bến Thủy	Phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An	19.000	1.200	220.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1956
Tỉnh Hà Tĩnh				69.000	17.000	74.075	-	-	-
68	1	Kho XD Vũng Áng	Phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	60.000	15.000	60.000	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2007;
69	2	Kho XD Xuân Giang	X. Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	9.000	2.000	14.075	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2017
Tỉnh Quảng Trị				67.100	22.700	90.994	-	-	-

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m ³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m ²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
70	1	Kho cảng xăng dầu sông Gianh	Xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị	5.000	1.200	11.025	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1998
71	2	Kho cảng xăng dầu sông Gianh Nhật Minh	Xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị	5.000	3.500	18.600	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2009
72	3	Kho Đồng Hới	Sân bay Đồng Hới, phường Đồng Thuận , tỉnh Quảng Trị	100	-	4.500	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	-
73	4	Kho Xăng dầu Hưng Phát	Xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị	45.000	15.000	28.000	Kho đầu mối	Không hoạt động	-
74	5	Kho Hải Hà Quảng Trị	Xã Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị	12.000	3.000	28.869	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2020
TP Huế				29.500	6.200	123.209	-	-	-
75	1	Kho Chân Mây	X. Chân Mây – Lăng Cô, TP Huế	22.250	5.000	64.240	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2006
76	2	Kho Thuận An	Phường Thuận An, TP Huế	7.000	1.200	58.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
77	3	Kho Phú Bài	Sân bay Phú Bài , phường Phú Bài, TP Huế	250	-	969	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	-
III. DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN				1.252.933	340.000	1.926.143	-	-	-
TP Đà Nẵng				197.705	98.000	354.146	-	-	-
78	1	Kho xăng dầu Khuê Mỹ	P. Mỹ Khê, TP Đà Nẵng	76.200	40.000	96.033	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1975
79	2	Kho xăng dầu Liên Chiểu K83	P. Hải Vân, TP Đà Nẵng	35.930	7.000	101.649	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1975
80	3	Kho xăng dầu Hòa Hiệp	P. Hải Vân, TP Đà Nẵng	13.125	3.000	13.125	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2000

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
81	4	Kho xăng dầu Petec	P. Hải Vân, TP Đà Nẵng	9.900	5.500	39.400	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2001
82	5	Kho Liên Chiêu	P. Hải Vân, TP Đà Nẵng	6.800	2.500	10.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2014
83	6	Kho Đà Nẵng	Sân bay Đà Nẵng, phường Thanh Khê, Đà Nẵng	6.400	-	23.972	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	1995
84	7	Kho nhiên liệu bay - Chi nhánh tại Đà Nẵng	Sân bay Đà Nẵng, phường Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	3.300	-	5.768	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	2017
85	8	Kho Chu Lai	Sân bay Chu Lai, xã Núi Thành, TP Đà Nẵng	150	-	239	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	-
86	9	Kho xăng dầu Chu Lai	X. Núi Thành, TP Đà Nẵng	9.700	20.000	16.260	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2020
87	10	Tổng kho xăng dầu Hòa Khánh	X. Núi Thành, TP Đà Nẵng	36.200	20.000	47.700	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2020
Tỉnh Quảng Ngãi				385.777	51.000	385.801	-	-	-
88	1	Khu bể chứa sản phẩm, Nhà máy lọc dầu Dung Quất	xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi	376.577	50.000	360.000	Kho nhà máy Lọc dầu	Hoạt động lâu dài	2005
89	2	Kho Sa Kỳ	Xã Đông Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	2.000	1.000	2.500	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
90	3	Khu bồn chứa và trạm xuất xăng dầu Quảng Ngãi	KKT Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi	7.200	-	23.301	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2012
Tỉnh Gia Lai				59.280	11.000	249.087	-	-	-
91	1	Kho xăng dầu Phú Hòa	QL1D, P. Quy Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai	48.800	-	166.040	-	Hoạt động lâu dài	Trước 1975

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m ³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m ²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
92	2	Kho cảng Qui Nhơn	Khu vực 1, P. Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	3.600	10.000	12.222	-	Hoạt động lâu dài	Trước 1975
93	3	Kho Phù Cát	Sân bay Phù Cát, xã Phù Cát, tỉnh Gia Lai	180	-	600	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	-
94	4	Sà lan chứa dầu An Phú	Cảng Quy Nhơn, P. Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai	1.200	1.000	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
95	5	Kho Plei Ku	Sân bay Pleiku, phường Thống Nhất, tỉnh Gia Lai	100	-	225	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	
96	6	Kho Bắc Tây Nguyên	Xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai	5.400	-	70.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
Tỉnh Đắk Lắk				14.850	5.000	36.365	-	-	-
97	1	Kho Tuy Hòa	Sân bay Tuy Hòa, phường Phú Thạnh, tỉnh Đắk Lắk	50	-	338	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	-
98	2	Kho Vũng Rô	X. Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk	14.700	5.000	35.251	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1999
99	3	Kho Buôn Ma Thuột	Sân bay Đắk Lắk, phường Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk	100	-	776	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	
Tỉnh Khánh Hòa				595.321	175.000	900.744	-	-	-
100	1	Kho Vĩnh Nguyên	Phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	29.721	10.000	34.362	Kho đầu mối	Di dời/ giải tỏa	Trước 1975
101	2	Kho Ba Ngòi (kho 622)	P. Cam Linh, tỉnh Khánh Hòa	40.000	10.000	77.751	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2015
102	3	Kho K720	Bán đảo Cam Ranh, phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	14.500	5.000	188.014	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2008

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
103	4	Kho ngoại quan Vân Phong	Phường Đông Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	505.000	150.000	567.000	Kho Ngoại Quan	Hoạt động lâu dài	2016
104	5	Kho Cam Ranh	Sân bay Cam Ranh, phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	4.000	-	21.348	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	-
105	6	Kho Jet A-1 Sân bay Cam Ranh	Sân bay Cam Ranh, phường Bắc Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	2.100	-	12.270	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	2015
IV- KHU VỰC THÀNH PHỐ HCM VÀ PHỤ CẬN				2.380.395	504.950	5.068.117	-	-	-
TP Hồ Chí Minh				2.168.175	436.950	4.759.818	-	-	-
106	1	Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	Xã Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	721.474	40.000	1.960.000	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1975; 2013
-	1.1	Khu A		313.583	40.000; 600, 1000, 5.000	146.591	-	-	1975
-	1.2	Khu B		116.020	32.000, 40.000; 9.000, 3.500	192.611	-	-	1975
-	1.3	Khu C		123.339	: 9.000; 5.000, 9.000	86.063	-	-	1975
-	1.4	Khu D,		167.305		48.370	-	-	2013

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m ³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m ²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
107	2	Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè PV OIL	Ấp 4, X. Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	170.000	40,000 +5,000	133.287	Kho đầu môi	Hoạt động lâu dài	2001
108	3	Kho NMLD Cát Lái	990 Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Hồ Chí Minh	232.000	46.000	250.000	Kho nhà máy lọc dầu	Hoạt động lâu dài	1986
109	4	Kho VK102 Nhà Bè	Ấp 6, X. Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	54.000	40.000	90.000	Kho đầu môi	Hoạt động lâu dài	2015
110	5	Kho dự trữ 61000m ³ tại xã Phú Xuân	Ấp 6, X. Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	61.000	40.000	90.000	Kho đầu môi	Hoạt động lâu dài	2015
111	6	Kho Tân Sơn Nhất	Sân bay Tân Sơn Nhất, TP. Hồ Chí Minh	19.600	-	41.513	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	-
112	7	Kho Nhà Bè	Xã. Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	20.000	15.000	55.000	Kho đầu môi	Hoạt động lâu dài	-
113	8	Kho dầu 30/4	TP. Hồ Chí Minh	2.000	650	14.475	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
114	9	Kho cảng hóa dầu Lâm Tài Chánh	823/9 Huỳnh tấn phát, X. Nhà Bè, TP. Hồ Chí Minh	20.000	15.000	25.332	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
115	10	Kho Xăng dầu Hải Linh Hiệp Phước	Số 99 đường Phan Văn Bảy ấp 1 X. Hiệp Phước, TP. Hồ Chí Minh	82.000	40.000	529.248	Kho đầu môi	Hoạt động lâu dài	1997
116	11	Kho Jet A-1 Sân bay Tân Sơn Nhất	A75/70 Bạch Đằng, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh	4.750	-	6.516	Kho sân bay	Di dời/ giải tỏa	2013
117	12	Kho Xăng Dầu Tapetco	Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh	9.027	-	25.660	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	2013

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
118	13	Tổng kho XD Miền Đông	Đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP Hồ Chí Minh	271.200	55.000		Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1975;2008
	13.1	Kho xăng dầu Thắng Nhất	Số 54B đường 30/4, phường Rạch Dừa, TP Hồ Chí Minh	121.000	50.000	116.108			
	13.2	Kho Cù Lao Tào	Cù Lao Tào, phường Rạch Dừa, TP Hồ Chí Minh	150.000		97.000			
119	14	Kho xăng dầu Hải Linh Vũng Tàu	KCN Cái Mép, Phường Tân Phước, TP Hồ Chí Minh	60.000	80.000	274.874	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2015
				220.000	-	-	Kho Ngoại Quan	Hoạt động lâu dài	2012
120	15	Kho Petec Cái Mép	Phường Tân Phước, TP Hồ Chí Minh	80.000	60000; 5000; 1000	354.715	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2011
121	16	Kho K2 Vũng Tàu	Phường Phước Thắng, TP. Hồ Chí Minh	20.000	5.000	50.221	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1991
122	17	Kho Nhà máy Condensate Phú Mỹ	Phường Tân Phước, TP Hồ Chí Minh	34.000	60000; 2x2000	81.000	Kho nhà máy lọc dầu	Hoạt động lâu dài	2003
123	18	Kho cảng Hà Lộc	Phường Phước Thắng, TP Hồ Chí Minh	12.000	5.000	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
124	19	Kho Cảng Côn Đảo	Phường Phước Thắng, TP Hồ Chí Minh	2.675	-	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
125	20	Kho của Công ty TNHH Thanh Châu Phát	Phường Vũng Tàu, TP Hồ Chí Minh	2.500	-	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m ³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m ²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
126	21	Kho Cảng Nhật	Phường Phước Thắng, TP Hồ Chí Minh	2.000	-	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
127	22	Kho của CN Công ty TNHH Hoàng Mỹ	Phường Phước Thắng, TP Hồ Chí Minh	1.500	-	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
128	23	Kho Bến Súc	P. Bà Rịa, TP Hồ Chí Minh	1.000	-	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
129	24	Kho Sao Mai	P. Vũng Tàu , TP Hồ Chí Minh	500	-	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
130	25	Kho Phú Thọ	P. Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	849	-	20.308	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
131	26	Kho Phú Cường	P. Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	500	300	3.420	Kho tuyến sau	Di dời/ giải tỏa	-
132	27	Kho Chánh Mỹ	P. Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh	54.000	3.200	41.381	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2015
133	28	Kho Bình Thắng	Phường Đông Hòa, TP Hồ Chí Minh	4.800	900	19.658	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2019
134	29	Kho Khánh Bình	Phường Tân Hiệp, TP Hồ Chí Minh	4.800	900	6.467	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2020
Tỉnh Lâm Đồng				53.350	12.000	86.137	-	-	-
135	1	Kho xăng dầu hàng không tại cảng hàng không Liên Khương	Xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	1.000	-	9.880	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	2019
136	2	Kho xăng dầu hàng không Liên Khương	Xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	1.050	-	7.500	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	2018

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
137	3	Kho trung chuyển xăng dầu Di Linh	Xã Di Linh, tỉnh Lâm Đồng	4.500	-	19.647	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2020
138	4	Kho Trung chuyển xăng dầu Hòa Phú	Xã Phan Rí Cửa, tỉnh Lâm Đồng	44.800	10.000	45.000	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2013
139	5	Kho dự trữ sẵn sàng chiến đấu	Đặc khu Phú Quý, tỉnh Lâm Đồng	2.000	2.000	4.110	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2017
TP Đồng Nai				123.820	51.000	160.177	-	-	-
140	1	Tổng kho xăng dầu Phước Khánh	Xã Đại Phước, TP Đồng Nai	80.400	49.000	117.828	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1999
-	1.1	Tổng kho xăng dầu Phước Khánh		35.000	-	-	Kho Ngoại Quan	Hoạt động lâu dài	1999
141	2	Kho xăng dầu Biên Hòa	P. Trung Dũng, TP. Đồng Nai	5.020	1.000	22.052	Kho tuyến sau	Di dời/ giải tỏa	1976
142	3	Kho Long Bình Tân	P. Long Hưng, TP. Đồng Nai	3.400	1.000	20.297	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1986
Tỉnh Tây Ninh				35.050	5.000	61.985	-	-	-
143	1	Kho Tây Ninh	Khu phố Long Bình, phường Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh	8.000	1.000	22.600	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2002
144	2	Kho Bến Lức	Ấp Thuận Đạo, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh	3.500	1.000	10.369	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1968
145	3	Kho Long Hưng Việt Nam	Ấp 3, X. Long Cang, tỉnh Tây Ninh	21.550	2.000	13.591	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2012
146	4	Kho xăng dầu Long An	Khu CN Nam Tân Tập, X. Tân Tập, tỉnh Tây Ninh	2.000	1.000	15.425	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2013
V. TP CẦN THƠ VÀ PHỤ CẬN				539.972	85.406	680.464	-	-	-

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
TP Cần Thơ				333.452	63.456	390.178	-	-	-
147	1	Tổng kho XD Miền Tây	Khu CN Trà Nóc II, P. Phước Thới, TP Cần Thơ	103.500	15.000	63.000	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2002
148	2	Kho XD PetroMekong	KCN Hưng Phú 2A, P. Hưng Phú, TP Cần Thơ	72.200	500; 3000; 15000	84.620	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1998
149	3	Tổng kho xăng dầu, khí đốt (LPG) Cần Thơ	Khu CN Trà Nóc II, P. Phước Thới, TP Cần Thơ	32.920	15.000	61.939	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2009
150	4	Tổng kho xăng dầu Trà Nóc	Lô 2.7 Khu CN Trà Nóc 2, P. Phước Thới, TP Cần Thơ	50.520	10.000	30.126	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2008
151	5	Kho Công ty CP SX DK &CNHD NSH Ninh Kiều (Kho NMLD Cái Cui)	Khu CN Hưng Phú II, P. Hưng Phú TP Cần Thơ	31.200	2.500	49.591	Kho nhà máy lọc dầu	Hoạt động lâu dài	2004
152	6	Kho Phúc Thành	Khu vực Thới Ngươn B, P. Phước Thới, TP Cần Thơ	18.900	3.000	33.043	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1999
153	7	Kho Công ty CP Dầu Khí Đông Phương	KCN Hưng Phú 2A,, phường Hưng Phú, TP. Cần Thơ	4.750	3.000	6.600	Kho nhà máy lọc dầu	Hoạt động lâu dài	
154	8	Kho Công ty TNHH 1 TV Điện Hiền	KV Thới An, P. Thốt Nốt, TP Cần Thơ	370	4.000	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
155	9	Kho xăng dầu - Công ty TNHH Cam Thủy	Quy Thạnh 1, P. Thốt Nốt, TP Cần Thơ	280	3.000	1.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
156	10	Kho xăng dầu - Công ty Dầu khí Đông Nam	Xã Thạnh An, TP Cần Thơ	999	356	10.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
157	11	Kho xăng dầu K34 - Công ty CP An Hiền	phường Thới An Đông,, TP Cần Thơ	4.800	1.000	10.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
158	12	Kho xăng dầu - CNDNTN Đồng Tân	KV Qui Thạnh 2, P. Thốt Nốt, TP Cần Thơ	220	3.000	3.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
159	13	Kho Tân Phú Thạnh	QL1A, Khu vực 2, P. Cái Răng, TP Cần Thơ	9.350	2.000	19.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1996
160	14	Kho Cần Thơ	Sân bay Cần Thơ, phường Thới An Đông, TP Cần Thơ	225	-	660	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	-
161	15	Kho Hậu Giang	Hậu Giang	650	100	4.500	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
162	16	Kho Hậu Giang	Hậu Giang	350	100	5.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
163	17	Kho Phụng Hoàng	Hậu Giang	250	300	2.828	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
164	18	Kho Tân Hoà	Hậu Giang	188	200	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
165	19	Kho Sóc Trăng	Đường Bạch Đằng, phường Phú Lợi, TP Cần Thơ	1.200	400	3.794	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
166	20	Kho xăng dầu Tân Thạnh	phường Sóc Trăng, TP Cần Thơ	580	500	1.477	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2001
Tỉnh Đồng Tháp				122.572	15.500	213.484	-	-	-

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
167	1	Tổng kho xăng dầu Hồng Đức	Số 206, ấp Tân Thuận B, xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	13.710	2.000	9.300	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2007
168	2	Kho xăng dầu Soài Rạp - Hiệp Phước	xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp	60.000	20000; 1500	91.550	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2010
169	3	Kho xăng dầu Bình Đức	P. Thới Sơn, tỉnh Đồng Tháp	5.400	1.000	22.730	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1982
170	4	Kho xăng dầu Quang Trung	P. Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp	4.000	1.000	18.856	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1990
171	5	Kho xăng dầu Thuận Tiến	Xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	4.600	3.000	14.146	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2004
172	6	Kho xăng dầu Đông Tâm	Xã Kim Sơn, tỉnh Đồng Tháp	2.412	1.000	4.495	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1999
173	7	Tổng kho xăng dầu Trần Quốc Toản	P. Cao Lãnh, Đồng Tháp.	31.500	5.000	43.904	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1996
174	8	Kho xăng dầu Trường Xuân	X. Trường Xuân, Đồng Tháp	950	1.000	8.503	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2009
Tỉnh An Giang				47.063	16.600	159.855	-	-	-
175	1	Kho Vĩnh Tre	X. Vĩnh Thạnh Trung, An Giang	2.100	500	5.024	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1976
176	2	Kho Lam Sơn	xã Tri Tôn, An Giang	195	-	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2004
177	3	Kho Long Xuyên (Mỹ Thạnh or An Giang)	P. Mỹ Thới . An Giang	4.700	500	10.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2008
178	4	Kho Mỹ Thới	P. Mỹ Thới, An Giang	330	100	2.588	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m ³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m ²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
179	5	Kho An Kiên	Ấp Long Hòa, xã Chợ Mới, An Giang	514	-	2.582	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
180	6	Kho Mỹ Hòa	Tây Khánh 5, P. Long Xuyên, An Giang	204	-	2.329	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
181	7	Kho Huy Hoàng	QL91, P Bình Đức, An Giang	870	-	4.029	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
182	8	Kho Hiệp Hưng	Ấp Phú Trường, xã Chợ Vàm, An Giang	210	-	547	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	-
183	9	Kho Long Sơn	P. Tân Châu, An Giang	180	-	-	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2016
184	10	Kho An Ninh (Xẻo Nhàu)	Xã Tân Thạnh, tỉnh An Giang	900	500	4.911	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
185	11	Kho Tắc Cậu (An Thới)	Khu cảng cá Tắc Cậu, X. Bình An, tỉnh An Giang	3.750	2.000	7.884	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
186	12	Kho Tô Châu	Bến tàu Hà Tiên, đường Kim Dữ, phường Tô Châu, tỉnh An Giang	650	500	4.307	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
187	13	Kho XD Mêkong	X. Bình An, tỉnh An Giang	2.400	500	10.181	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
188	14	Kho xăng dầu Thọ Phướng (Mong Thọ)	Ấp Phước Hòa, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang	5.800	3.000	50.621	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
189	15	Kho xăng dầu An Hòa	58 Trần Quý Cáp, P. Rạch Giá, tỉnh An Giang	1.500	500	8.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
190	16	Kho xăng dầu Bình An	Ấp Minh Phong, X. Châu Thành, tỉnh An Giang	950	2.000	7.576	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m ³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m ²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
191	17	Kho xăng dầu Kiên Lương	Xã Kiên Lương, tỉnh An Giang	500	200	1.525	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
192	18	Kho xăng dầu Phú Quốc	Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang	1.650	2.000	5.200	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
193	19	Kho xăng dầu An Bình	Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang	4.500	500	7.200	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
194	20	Kho xăng dầu Bảo Toàn	Xã Hòa Điền, tỉnh An Giang	500	200	3.600	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
195	21	Kho xăng dầu Hữu Khương	Xã Thuận Yên, tỉnh An Giang	900	200	4.500	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
196	22	Kho xăng dầu Công ty Dương Đông-An Thới	khu phố An Thới, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang	1.660	2.000	4.460	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
197	23	Kho xăng dầu Thanh Lợi	Xã Đông Hòa, tỉnh An Giang	2.600	1.000	7.291	Kho tuyến sau	-	
198	24	Kho Phú Quốc	Sân bay Phú Quốc, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang	2.000	-	500	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	
199	25	Kho Phú Quốc	Sân bay Phú Quốc, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang	3.000	-	-	Kho sân bay	Hoạt động lâu dài	
200	26	Kho Phú Quốc	Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang	4.500	400	5.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
Tỉnh Vĩnh Long				25.200	3.350	69.296	-	-	-
201	1	Kho Xăng dầu Rạch Vong	Phường Phú Khương, tỉnh Vĩnh Long	4700	1000	18747	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1988
202	2	Kho xăng dầu Ba Tri	Áp An Thuận, xã Tân Thủy, tỉnh Vĩnh Long	800	500	1.890	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2008

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
203	3	Kho xăng dầu An Khánh	Ấp 6A, xã Phú Túc, tỉnh Vĩnh Long	200	-	908.85	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2008
204	4	Kho trung chuyển Cỏ Chiên	Khóm Thanh Mỹ 1, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long	1.500	350	9.400	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2002
205	5	Kho xăng dầu An Pha Vĩnh Long	Số 546B, ấp Thanh Mỹ 2, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long	8.900	700	18.123	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2000
206	6	Kho xăng dầu Trà Vinh	Phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long	2.000	300	4.281	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2007
207	7	Kho petro Mekong	Phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long	1.800	500	4.753	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2011
208	8	Kho Petrol Life	Xã Nhị Long, tỉnh Vĩnh Long	4.800	-	7.739	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2016
209	9	Kho xăng dầu Trà Vinh	Phường Long Đức, tỉnh Vĩnh Long	500	-	4.363	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2021
Tỉnh Cà Mau				11.685	2.000	61.135	-	-	-
210	1	Kho Xăng Dầu Giá Rai	Khóm 2, P.Giá Rai, tỉnh Cà Mau	1.400	500	5.886	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2019
211	2	Kho Long Thạnh	Ấp Phước Thạnh, Xã Hòa Bình, tỉnh Cà Mau	475	-	668	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2003
212	3	Kho XD Bạc Liêu	Đường 23/8, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau	1.500	500	4.266	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2000
213	4	Cửa hàng/Kho Nhân Dân	Ấp Nhân Dân, xã Phong Thạnh, tỉnh Cà Mau	550	-	2.621	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1998

TSố	TT	Tên kho	Địa điểm	Quy mô (m ³)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m ²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
214	5	CN Cửa hàng xăng dầu Phường 7	Đường Hoàng Diệu, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau	460	-	844	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1992
215	1	Kho Tắc Vân	phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau	3.000	500	22.908	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1983
216	2	Kho Định Bình	Ấp Cây Trâm, X. Định Bình, tỉnh Cà Mau	2.100	500	5.100	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1996
217	3	Kho xăng dầu Hiền Đức	Ấp Hòa Trung, phường Lương Thế Trân, tỉnh Cà Mau	800	-	5.700	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2017
218	4	Kho XD Cà Mau	909 Lý Thường Kiệt, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau	800	-	4.229	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1990
219	5	Kho xăng dầu Kim Minh	Ấp Ngọc Tuấn, xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau	600	-	8.913	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2017
Tổng cộng cả nước				6.507.769	1.301.406	12.355.763			

1.2. Danh mục kho LPG hiện có theo vùng cung ứng

TSố	TT	Tên Kho/ Trạm	Địa điểm	Quy mô (tấn)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m ²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
I- KHU VỰC BẮC BỘ ĐẾN THANH HÓA				51.225	219.700	340.608			
Tỉnh Phú Thọ				1.102	700	-			
1	1	Trạm chiết nạp LPG Hải Linh	Khu 2, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ	1.102	700		Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2008
TP Hải Phòng				31.107	216.000	331.957			
2	1	Kho LPG Đình Vũ	Lô CN 5.3C KCN Đình Vũ, P. Đông Hải, TP Hải Phòng	4.500	20.000	10.920	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2011
3	2	Kho tồn trữ và phân phối LPG	Lô CN 5.3D KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng	2.025	20.000	8.300	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2013
4	3	Tổng kho khí hóa lỏng Miền Bắc	Lô CN 3.1B KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng	2.700	20.000	36.000	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2009
5	4	Kho chứa gas hóa lỏng Đình Vũ	Lô CN 5.1F KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng	2.700	20.000	7.000	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2007
6	5	Nhà máy LPG Hải Phòng	Lô CN5.2B, KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng	3.500	20.000	30.000	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2008&2014
7	6	Kho LPG Minh Quang	Lô CN 5.1H KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng	4.050	20.000	22.800	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2009
8	7	Tổng kho An Dương Petrol	Lô CN5.3J, KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng	1.823	20.000	10.300	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2017

TSố	TT	Tên Kho/ Trạm	Địa điểm	Quy mô (tấn)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m ²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
9	8	Kho tồn trữ và phân phối LPG Đình Vũ	Lô CN 5.3A KCN Đình Vũ, phường Đông Hải TP Hải Phòng	810	20.000	8.300	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2007
10	9	Kho LPG Đình Vũ	Lô CN 5.1E KCN Đình Vũ, phường Đông Hải TP Hải Phòng	1.600	20.000	6.700	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2004
11	10	Kho LPG Hải An	Lô CN 5.3 KCN Đình Vũ, phường Đông Hải, TP Hải Phòng	1.500	20.000	20.500	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2008
12	11	Kho LPG Total	Ngã 3 Đình Vũ, phường Đông Hải TP Hải Phòng	900	3.000	25.000	Kho tuyến sau	Có quyết định thu hồi đất của Sở Công Thương Hải Phòng	1998
13	12	Kho LPG Thăng Long - Hải Phòng	Km số 5 QL 5, Hùng Vương, phường Hồng Bàng, TP Hải Phòng	1.196	2.000	17.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1997
14	13	Tổng kho khí hóa lỏng Hải Phòng	Số 378 Hùng Vương, phường Hồng Bàng, TP Hải Phòng	1.200	3.000	13.800	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2000
15	14	Kho tồn chứa và phân phối LPG	Số 55 Ngô Quyền, phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng	1.103		60.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1995
16	15	Kho xăng dầu, khí đốt Hải Linh Hải Phòng	Đầm Mắm, Khu Hạ Đoan 2, P. Đông Hải, TP Hải Phòng	1.500	8.000	55.337	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2018
Tỉnh Hưng Yên				4.016	3.000	8.651			
17	1	Kho LPG Opec	Xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên	1.072	3.000	7.427	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2018

TSố	TT	Tên Kho/ Trạm	Địa điểm	Quy mô (tấn)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m ²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
18	2	Trạm chiết nạp	CCN Vũ Quý, xã Vũ Quý, tỉnh Hưng Yên	2.244		1.224	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2015
19	3	Kho khí Hưng Vinh Phát	X. Hưng Hà, tỉnh Hưng Yên	700	-	8528.5	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2021
Tỉnh Thanh Hoá				15.000	-	-			
20	1	Kho chứa nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn	Phường Nguyên Bình, Thanh Hóa	15.000			Kho nhà máy	Hoạt động lâu dài	
II- KHU VỰC BẮC TRUNG BỘ (TRỪ THANH HÓA)				4.985	35.000	93.350			
Tỉnh Nghệ An				3.200	20.000	29.550			
21	1	Kho LPG - Công ty CP Dầu khí Sài Gòn - Nghệ An	Khối 1, P. Nghi Thủy, tỉnh Nghệ An	1.000		20.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2007
22	2	Tổng kho chứa và trạm chiết nạp Gas Cửa Lò	Khối 1, P. Nghi Thủy, tỉnh Nghệ An	2.200	20.000	9.550	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2014& 2017
Tỉnh Hà Tĩnh				1.785	15.000	63.800			
23	1	Tổng kho khí hóa lỏng Bắc Trung Bộ	Khu KT Vũng Áng, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	1.785	15.000	63.800	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2008
III. DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN				39.670	13.000	171.770			
TP Đà Nẵng				7.950	8.000	103.330			

TSố	TT	Tên Kho/ Trạm	Địa điểm	Quy mô (tấn)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
24	1	Tổng kho sản phẩm Dầu khí Đà Nẵng	Khu dịch vụ hậu cần Cảng địa phương, P. Sơn Trà, TP Đà Nẵng	1.500	5.000	29.031	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2016
25	2	Nhà máy LPG Đà Nẵng	100 Yết Kiêu, P. Sơn Trà, TP Đà Nẵng	1.100	3.000	15.079	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2013; 2016
26	3	CN Công ty TNHH Gas Phoenix tại Đà Nẵng	96 Yết Kiêu, phường Sơn Trà, TP Đà Nẵng	2.000		10.240	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
27	4	Kho chứa - chiết nạp gas	X. Núi Thành, TP Đà Nẵng	3.350		48.980	Kho đầu mối		2018
Tỉnh Quảng Ngãi				28.020		51.440			
28	1	Kho LPG Dung Quất	KCN phía Đông Dung Quất (KKT Dung Quất), xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi	2.000	Nhập tuyến ống từ NMLD Dung Quất	44.673	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2010
29	2	Kho Dung Quất	KCN phía Đông Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi	1.520	Nhập tuyến ống từ NMLD Dung Quất	6.767	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2010& 2019
30	3	Công ty Lọc hóa dầu Bình Sơn	KKT Dung Quất, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi	24.500			Kho nhà máy	Hoạt động lâu dài	
Tỉnh Khánh Hoà				3.700	5.000	17.000			

TSố	TT	Tên Kho/ Trạm	Địa điểm	Quy mô (tấn)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m ²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
31	1	Chi nhánh Công ty TNHH Khí hóa lông Cội nguồn	Phường Ba Ngòi, tỉnh Khánh Hòa	1.200			Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
32	2	Chi nhánh Công ty TNHH Khí hóa lông Cội nguồn	Lô AI3, Cụm CN Diên Phú, xã Diên Điền, tỉnh Khánh Hòa	1.200			Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	
33	3	Kho Cảng chứa khí dầu mỏ hóa lỏng Cam Ranh	Thôn Hòn Quy, Xã Nam Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	1.300	5.000	17.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2012
IV- KHU VỰC THÀNH PHỐ HCM VÀ PHỤ CẬN				384.569	289.500	1.053.483			
TP Hồ Chí Minh				349.920	159.000	802.240			
34	1	Nhà máy LPG Sài Gòn	Xã Nhà Bè, TP HCM	2.000	7.000	15.000	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2001;2023
35	2	Xưởng LPG Cát Lái	990 Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP.HCM	2.920	32.000	50.640	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1993& 2027
36	3	Cảng Hyosung Vina Chemicals	KCN Cái Mép, phường Tân Phước, TP Hồ Chí Minh	280.000	60.000	701.000	Kho nhà máy	Hoạt động lâu dài	
37	4	Kho cảng PVGAS Vũng Tàu	KCN Cái Mép, phường Tân Phước, TP Hồ Chí Minh	65.000	60.000	35.600	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1999& 2011
Tỉnh Đồng Nai				19.649	81.500	159.272			

TSố	TT	Tên Kho/ Trạm	Địa điểm	Quy mô (tấn)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m ²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
38	1	Kho LPG Gò Dầu	Cảng Gò Dầu A, xã Phước Thái, TP Đồng Nai	4.000	10.000	10.740	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1991& 1994, 2007
39	2	CN Công ty CP TM&DV Dầu khí Vũng Tàu tại Đồng Nai	Cảng Gò Dầu A, xã Phước Thái, TP Đồng Nai	1.935	10.000		Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2006
40	3	Công ty TNHH Super Gas	Cảng Gò Dầu A, xã Phước Thái, TP Đồng Nai	900	5.000	12.000	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2000
41	4	Kho VT Gas Đồng Nai	Số 1B-D3, KP Bình Dương P. Long Hưng, TP Đồng Nai	1.000	2.000	13.180	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1996& 2005
42	5	Công Ty Cổ Phần Dầu Khí Vgas	Số 1A/8 Châu Văn Lông, Khu Phố Long Điền, P. Long Hưng, TP Đồng Nai	1.714	3.000	27.647	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1996& 2000;2005
43	6	Kho LPG Gò Dầu	Cảng Gò Dầu A, xã Phước Thái, TP.Đồng Nai	4.000	10.000	9.210	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2009
44	7	Nhà máy chiếc nạp khí hóa lỏng LPG Gò Dầu	Lô 3, KCN Gò Dầu, xã Phước Thái, TP Đồng Nai	3.000	6.500	38.226	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	1995
45	8	Công ty TNHH Sopet Gas One	Ấp 2, xã Đại Phước, TP Đồng Nai	1.900	30.000	1.565	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2006
46	9	Kho cảng tổng hợp Hồng Mộc	KCN Ông Kèo ấp 3, xã Đại Phước, TP Đồng Nai	1.200	5.000	46.704	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2007
Tỉnh Tây Ninh				15.000	49.000	91.971			

TSố	TT	Tên Kho/ Trạm	Địa điểm	Quy mô (tấn)	Quy mô cảng (DWT)	Tổng diện tích đất (m²)	Loại kho	Tình trạng hoạt động	Năm xây dựng
47	1	Kho Cảng dầu khí Quốc tế Pacific Petro	KCN Nam Tân Tập, xã Tân Tập, tỉnh Tây Ninh	15.000	49.000	91.971	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2018
V. TP CẦN THƠ VÀ PHỤ CẬN				12.726	14.775	85.064			
TP Cần Thơ				4.726	13.975	73.679			
48	1	Tổng kho xăng dầu, khí đốt (LPG) Cần Thơ	Lô số 15-16 Khu CN Trà Nóc II, P. Phước Thới, TP Cần Thơ	1.400	7.000	12.600	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	2006& 2009, 2015
49	2	Kho Cần Thơ	Lô II.5,II.6 Khu CN Trà Nóc 2, P. Phước Thới, TP Cần Thơ	1.600	1.375	30.000	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2008& 2016
50	3	Công ty TNHH Total gas Cần Thơ	Đường Lê Hồng Phong, P. Bình Thủy, TP Cần Thơ	926	2.000	17.480	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1997
51	4	Nhà máy LPG Cần Thơ	Lô 9 KCN Trà Nóc I, phường Thới An Đông TP Cần Thơ	800	3.600	13.599	Kho tuyến sau	Hoạt động lâu dài	1999
Tỉnh Cà Mau				8.000	800	11.385			
52	1	Kho chứa LPG - GPP Cà Mau	X. Khánh An, tỉnh Cà Mau	8.000	800	11.385	Kho đầu mối	Hoạt động lâu dài	2017
Tổng cộng cả nước				493.175	571.975	1.744.275			